

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM

**PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,
QUA THỰC TIỄN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: **60.38.01.07**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Thừa Thiên Huế, năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	4
1.1. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.....	4
1.1.1. Khái niệm khu công nghiệp.....	4
1.1.2. Khái niệm về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp	5
1.1.3. Khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp.....	5
1.1.4. Đặc điểm của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp.....	6
1.2. Nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp.....	6
1.2.1. Quản lý nước thải khu công nghiệp	6
1.2.2. Quản lý khí thải và tiếng ồn trong khu công nghiệp	7
1.2.3. Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong khu công nghiệp	7
1.2.4. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.....	7
1.3. Những yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp	8
1.3.1. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường	8
1.3.2. Ý thức pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp	8
1.3.3. Cơ chế giám sát thực hiện qui định về môi trường	9
1.3.4. Hiệu lực các biện pháp xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường	9
Được thực hiện theo nghị định số: 155/2016/NĐ-CP, ngày 18 tháng 11 năm 2016.....	9
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	11

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp	11
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	11
2.2.1. Khu Công nghiệp Hòa Khánh.....	12
2.2.2. Khu Công nghiệp Hòa Khánh mở rộng	13
2.2.3. Khu Công nghiệp Liên Chiểu	13
2.2.4. Khu Công nghiệp Đà Nẵng.....	14
2.2.5. Khu Công nghiệp Hòa Cầm.....	14
2.2.6. Khu Công nghiệp Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng	15
2.3. Hoạt động bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước tại các khu công nghiệp	16
2.3.1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức.....	16
2.3.2. Tình hình xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp bảo vệ môi trường	16
2.3.3. Tình hình tuân thủ, thực hiện các quy định pháp luật bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp.....	16
2.3.4. Hiện trạng hoạt động của các công trình xử lý chất thải và các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	17
2.3.4.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, độ rung.....	17
2.3.4.2. Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải.....	17
2.3.4.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn.....	17
2.3.4.4. Xây dựng thí điểm mô hình KCN sinh thái tại KCN Hòa Khánh	18
2.3.5. Tình hình thực hiện các quy định về quan trắc, thông tin và báo cáo kết quả quan trắc môi trường.....	18
2.4. Nguyên nhân của những hạn chế của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	19
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	20
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.....	20
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải theo hướng phát triển bền vững.....	20
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật môi trường	21

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải đặt trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế	21
3.1.4. Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải phù hợp với định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng về bảo vệ môi trường.....	22
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp	22
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả về thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	23
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	25
KẾT LUẬN.....	26

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển thì vấn đề môi trường đã và đang ngày càng trở nên quan trọng hơn, nó làm ảnh hưởng tới cuộc sống và sức khỏe con người. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của mọi người với những biện pháp khác nhau.

Đặc biệt, trước yêu cầu của thực tiễn, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật quan trọng về bảo vệ môi trường. Trong đó, Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014 và đã có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Đà Nẵng, xác định công tác bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột quan trọng trong mục tiêu để phát triển thành phố theo hướng bền vững. Thành ủy, Chính quyền và người dân Đà Nẵng đã cùng nhau nỗ lực giải quyết những thách thức đó để đạt được những thành quả nhất định. Đây là thông điệp được bà Huỳnh Thị Liễu Hoa, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đưa ra tại Phiên toàn thể Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV tổ chức tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia vào ngày 30/9/2017. Theo báo cáo tại Hội nghị, sau hơn 15 năm trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương và hơn 10 năm trở thành đô thị loại 1, Đà Nẵng đã có những bước tiến vượt bậc về tốc độ phát triển đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa công nghiệp.

Mặc dù ngành công nghiệp Đà Nẵng đang phát triển mạnh, thúc đẩy nền kinh tế của thành phố, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động. Công tác kiểm soát, hạn chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường của TP. Đà Nẵng được đánh giá khá tốt so với mặt bằng chung cả nước nhưng lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất phát sinh hàng năm là rất lớn. Nếu lượng chất thải này không được xử lý triệt để thì sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

Theo kết quả thanh tra của Bộ TN&MT (năm 2014), nước thải khu công nghiệp Hòa Khánh, khu công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng còn chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật dẫn đến nước thải sau xử lý có thời điểm

vượt Quy chuẩn Việt Nam cho phép trước khi thải ra môi trường. Phần lớn chất thải rắn công nghiệp được các doanh nghiệp hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Đà Nẵng thu gom, xử lý hoặc tự chôn lấp, một số chất thải có nguy cơ độc hại được bán lại cho các cơ sở tái chế không kiểm soát được. Một số doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư cho khu vực tập trung chất thải rắn công nghiệp và nguy hại. Không bố trí nơi chứa, không che chắn bãi chứa để chất thải thấm vào đất gây ô nhiễm...

Vì vậy cần phải đánh giá đúng và khách quan vấn đề này để từng bước hoàn thiện việc áp dụng pháp luật để bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp ở địa phương. Theo báo cáo số 24/BQL - QLTNMT, ngày 05 tháng 01 năm 2017 việc áp dụng pháp luật để bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp ở Đà Nẵng chưa đồng bộ và còn nhiều vấn đề cần giải quyết trong thời gian đến.

Vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật bảo vệ môi trường, qua thực tiễn các khu công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng”*** làm đề tài Luận văn thạc sĩ luật học của mình. Qua việc triển khai nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa một số vấn đề lý luận và thực tiễn việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng. Để từ đó đưa ra những kiến nghị trong việc nâng cao hiệu quả hơn nữa trong các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng những quy định này.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các Nghị quyết, chính sách ban hành của TP. Đà Nẵng về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động trong các khu công nghiệp.

- Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp tại TP. Đà Nẵng.

- Về thời gian: từ năm 2010 đến nay

3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở của phương pháp luận là phép biện chứng duy vật; quan điểm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về bảo vệ môi trường trong các hoạt động các khu công nghiệp.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai luận văn, tác giả đã sử dụng đồng bộ một số các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

Phương pháp lịch sử khảo cứu các nguồn tư liệu, đặc biệt là các tư liệu về pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp; các báo cáo của Sở Tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng... về hoạt động các khu công nghiệp.

Phương pháp phân tích các quy phạm của luật thực định có liên quan đến tên đề tài của luận văn.

Phương pháp tổng hợp các quan điểm khác nhau về nhận thức khoa học xung quanh các khái niệm, các quy phạm pháp lý có liên quan đến pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp.

Phương pháp thống kê các số liệu thực tiễn trong quá trình áp dụng các quy phạm có liên quan đến tên đề tài của luận văn.

Phương pháp so sánh luật học nhằm đối chiếu với các quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2014...

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp, thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật này tại TP. Đà Nẵng để từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp nhằm tìm ra các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp.

Để đạt được những mục đích trên thì nhiệm vụ nghiên cứu được xác định là:

- Làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp;
- Phân tích nội dung các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp cũng như các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp;
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp ở TP. Đà Nẵng để chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế và luận giải nguyên nhân của chúng;
- Làm rõ các định hướng, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp qua thực tiễn thi hành tại TP. Đà Nẵng .

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.1. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp

1.1.1. Khái niệm khu công nghiệp

Khu công nghiệp là khu tập trung các doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất các mặt hàng công nghiệp và các dịch vụ sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống và do Chính phủ hoặc Thủ tướng ký quyết định thành lập.

Khu công nghiệp có vai trò hết sức quan trọng đối với từng địa phương nói riêng, đối với quốc gia nói chung trên các phương diện về phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ... Xây dựng các khu công nghiệp nhằm mục đích phát triển sản xuất công nghiệp để xuất khẩu, gọi vốn đầu tư nước ngoài, tiếp thu kỹ thuật hiện đại và nhận công nghệ tiên tiến, đồng thời học

tập kinh nghiệm và hình thành thói quen, phương pháp quản lý sản xuất tiên tiến, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu và lực lượng lao động tại chỗ, tạo việc làm mới và hỗ trợ giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của những vùng lạc hậu góp phần tăng trưởng kinh tế trong nước. Các khu công nghiệp góp phần bổ sung bí quyết sản xuất và tìm thị trường, tiếp cận mạng lưới thị trường quốc tế. Ngoài ra, khu công nghiệp là công cụ để thúc đẩy xuất khẩu; tăng nguồn thu ngoại tệ, tạo công ăn việc làm; tiếp thu chuyển giao kỹ thuật, tay nghề, thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển xuất khẩu.

1.1.2. Khái niệm về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp

Theo khoản 3 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường thì hoạt động bảo vệ môi trường được hiểu là “hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành”. Từ định nghĩa này, hoạt động bảo vệ môi trường tại KCN được hiểu là “hoạt động giữ gìn cho môi trường KCN trong lành, sạch đẹp, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường của KCN, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường KCN, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành”.

1.1.3. Khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp

Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động của các khu công nghiệp được hình thành bởi nhu cầu của xã hội, của Nhà nước trong việc kiểm soát những tác động xấu tới môi trường của hoạt động các khu công nghiệp gây ra.

Với cách tiếp cận đó, có thể hiểu: pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động của khu công nghiệp là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp nhằm giữ cho môi trường bên trong và vùng xung quanh khu công nghiệp được trong sạch, cải thiện môi trường, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu các hoạt động của khu công nghiệp gây ra.

1.1.4. Đặc điểm của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp

Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp có đối tượng tác động đặc thù, giới hạn phạm vi tác động nên nó có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, về chủ thể: Các chủ thể đa dạng, tập trung là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

Các khu công nghiệp là nơi tập trung nhiều lĩnh vực sản xuất các mặt hàng công nghiệp, nơi có nhiều chất thải độc hại cho môi trường.

Chủ thể tham gia vào mối quan hệ, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp gồm những người tham gia nhóm quan hệ xã hội giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp.

Thứ hai, về các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp: ngoài các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung, còn có những quy định riêng cho các khu công nghiệp hoặc cho từng loại chất thải cụ thể.

Thứ ba, về hình thức quy định pháp luật: Quy định về đánh giá tác động môi trường khi thành lập các đề án, các doanh nghiệp, các hình thức kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt định kỳ và bất thường...

Thứ tư, về các loại ô nhiễm trong khu công nghiệp, bao gồm: khí thải công nghiệp, nước thải công nghiệp, rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt (từ người lao động khu công nghiệp), tiếng ồn..

1.2. Nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp

1.2.1. Quản lý nước thải khu công nghiệp

Nước thải công nghiệp là nước thải phát sinh trong quá trình công nghệ của cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp, từ nhà máy xử lý nước thải tập trung có đầu nổi nước thải của cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp. Nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư, sông suối, khe, rạch, kênh, mương, ao, hồ, đầm, vùng nước biển ven bờ.

Quản lý nước thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp tại khu công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP của

Chính phủ ban hành ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải (thay thế cho Nghị định 88/2007/NĐ-CP về thoát nước đô thị và khu công nghiệp) và Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ban hành ngày 30/06/2015 của Chính phủ về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

1.2.2. Quản lý khí thải và tiếng ồn trong khu công nghiệp

Khí thải công nghiệp là hỗn hợp các thành phần vật chất phát thải ra môi trường không khí từ ống khói, ống thải của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ công nghiệp. Tiếng ồn là tập hợp của những âm thanh tạp loạn với các tần số và cường độ âm rất khác nhau và gây cảm giác khó chịu cho người nghe.

Quản lý khí thải và tiếng ồn trong khu công nghiệp đã và đang là vấn đề đặt ra cấp thiết đối với môi trường và yêu cầu phát triển bền vững. Có thể nói, trong các loại nguồn thải đã đề cập thì việc kiểm soát điều chỉnh hành vi của các đơn vị kinh tế đang hoạt động sản xuất, kinh doanh ở các khu công nghiệp là rất quan trọng. Chính vì vậy, mà chương 6 mục 4 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Điều 10 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT đã quy định rất cụ thể để điều chỉnh đối tượng này.

1.2.3. Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong khu công nghiệp

Khái niệm chất thải rắn phát sinh trong khu công nghiệp được hiểu là chất thải ở thể rắn hoặc sệt (còn gọi là bùn thải) được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Chất thải rắn phát sinh từ các khu công nghiệp bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp. Trong đó, chất thải rắn công nghiệp được chia thành chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại. Lượng chất thải rắn phát sinh từ các khu công nghiệp phụ thuộc vào diện tích cho thuê, diện tích sử dụng; tính chất và loại hình công nghiệp của khu công nghiệp. Chất thải rắn công nghiệp rất đa dạng từ cặn bùn thải, phế liệu đến các loại bao bì, rác thải độc hại,...

1.2.4. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp

Để thống nhất, tập trung làm tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: Bộ Tài nguyên – môi trường là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý

nhà nước về môi trường trên phạm vi cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các Đoàn thể Trung ương có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tài nguyên - môi trường thực hiện quản lý các vấn đề môi trường trong phạm vi ngành. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài nguyên – môi trường được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương, gồm các đơn vị chuyên môn: Thanh tra, Chi cục bảo vệ môi trường; Phòng quản lý tài nguyên nước và khí tượng Thủy văn; Phòng khoáng sản. Ở cấp huyện có Phòng tài nguyên – môi trường và ở cấp xã có bố trí cán bộ làm công tác môi trường. Ngoài ra, có lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trực thuộc Bộ công an được tổ chức từ trung ương đến cấp huyện thực hiện chức năng phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.3. Những yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp

1.3.1. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường

Để bảo vệ môi trường, con người phải sử dụng tổng hợp các biện pháp như chính trị, tuyên truyền, giáo dục, kinh tế, công nghệ, pháp luật... Các biện pháp này sẽ hỗ trợ, tương tác cho nhau nhằm giữ cho môi trường trong lành, sạch, đẹp; ngăn chặn và khắc phục những hậu quả xấu do con người, thiên nhiên gây ra... Trong các biện pháp bảo vệ môi trường, mỗi biện pháp có điểm mạnh và điểm hạn chế riêng thì pháp luật được xem là công cụ đảm bảo thực hiện. Bởi môi trường bị hủy hoại chủ yếu là do sự tàn phá của con người và đối tượng để thực hiện việc bảo vệ môi trường cũng chính là con người. Vì vậy, muốn bảo vệ môi trường trước hết là tác động đến hành vi con người. Pháp luật thông qua các hệ thống quy phạm để điều chỉnh hành vi xử sự của con người và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước sẽ có tác dụng rất lớn trong việc định hướng các hành vi con người theo hướng có lợi cho môi trường, đảm bảo các hành vi của con người không xâm hại tới môi trường, hạn chế những tác hại, ngăn chặn suy thoái và ô nhiễm môi trường.

1.3.2. Ý thức pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Ý thức pháp luật là tổng thể những quan điểm lý luận khoa học, tư tưởng, tình cảm, thái độ, sự đánh giá của con người về pháp luật, về hành vi của con người và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện pháp luật.

1.3.3. Cơ chế giám sát thực hiện quy định về môi trường

Những năm qua, hoạt động thanh tra, kiểm tra luôn được Bộ TN&MT xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quản lý nhà nước song song với việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường. Trong lĩnh vực BVMT, công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm được lãnh đạo Bộ, lãnh đạo Tổng cục Môi trường quan tâm để triển khai một cách sâu rộng, toàn diện và đạt kết quả tốt. Qua đó, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong vấn đề BVMT gắn với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

1.3.4. Hiệu lực các biện pháp xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường

Được thực hiện theo nghị định số: 155/2016/NĐ-CP, ngày 18 tháng 11 năm 2016.

Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, để đáp ứng yêu cầu này, nội dung của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải được hoàn thiện với những mục đích quan trọng như: có chế độ khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường; đảm bảo tính răn đe của các chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu chương 1, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp là một công cụ hữu hiệu để quản lý và bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp. Trong thời gian qua, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp ở Việt Nam từng bước được xây dựng và hoàn thiện góp phần quan trọng vào việc điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp tới lĩnh vực môi trường.

Thứ hai, qua việc phân tích quá trình hình thành phát triển của khu công nghiệp và những ảnh hưởng của hoạt động khu công nghiệp đến môi

trường, chúng tôi nhận thấy, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động của các khu công nghiệp được hình thành bởi nhu cầu của xã hội, của Nhà nước trong việc kiểm soát những tác động xấu tới môi trường của hoạt động các khu công nghiệp gây ra.

Với cách tiếp cận đó, có thể hiểu: pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động của khu công nghiệp là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp nhằm giữ cho môi trường bên trong và vùng xung quanh khu công nghiệp được trong sạch, cải thiện môi trường, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu các hoạt động của khu công nghiệp gây ra.

Thứ ba, nội dung các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp bao gồm: quản lý nước thải khu công nghiệp; quản lý khí thải và tiếng ồn trong khu công nghiệp; quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong khu công nghiệp; trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.

Thứ tư, những yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khu công nghiệp, bao gồm: hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; ý thức pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Trong đó, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có tác dụng định hướng, giải quyết tối ưu mối quan hệ giữa hoạt động khu công nghiệp và vấn đề môi trường vừa đảm bảo hoạt động quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, là cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Do đó, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường hoàn thiện thống nhất sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật ở các khu công nghiệp có hiệu quả.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp

Đà Nẵng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, có vị trí chiến lược quan trọng, nằm trên trục giao thông xuyên Bắc-Nam; trục quốc lộ 1A; trục đường sắt xuyên Việt; đường Hồ Chí Minh và trục hành lang Đông Tây nối Thái Lan - Lào - Việt Nam theo đường 9 qua cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị); là các trục hành lang Đông - Tây quan trọng nối cảng Tiên Sa với Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, Đông Bắc Thái Lan và cả tiểu vùng sông Mê Kông; đồng thời là một trong những cửa ngõ chính thông ra biển Đông; có cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, các khu công nghiệp của Đà Nẵng đã đạt được những bước phát triển mạnh mẽ và có những đóng góp tích cực, quan trọng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Đà Nẵng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng có 06 khu công nghiệp tập trung, bao gồm: Hòa Khánh, Đà Nẵng, Liên chiểu, Hòa Khánh mở rộng, Hòa Cầm và Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng. Từ khi quy hoạch khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng năm 2004, hơn 10 năm thành phố Đà Nẵng không quy hoạch thêm khu công nghiệp nào. Đối với các KCN đã được quy hoạch và hoạt động, trong hơn 20 năm đã có 14 lần điều chỉnh quy hoạch, tổng diện tích quy hoạch giảm từ 1,276.83ha xuống còn 1,066.52ha; Trong đó diện tích đất thương phẩm là 778.1ha. Tính đến tháng 11 năm 2016, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 666.85ha, chiếm tỉ lệ 85,7%. Diện tích còn lại có thể cho thuê là 111.26ha. Phần diện tích đã đầu tư hạ tầng được cắt chuyển thành khu dân cư, khu đô thị.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thực hiện quy định Điều 9 của Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, theo định kỳ mỗi năm 02 lần, Ban quản lý các khu công nghiệp đôn đốc các doanh nghiệp khu công nghiệp (bao gồm các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp) tổ chức thực hiện chương trình tự quan trắc môi trường theo quy định nhằm đánh giá hiện trạng môi trường tại các khu công nghiệp. Từ kết quả quan trắc môi trường chung của khu công nghiệp do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp thực hiện, Ban quản lý các khu công nghiệp tổng hợp chung báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo mẫu quy định tại phụ lục đính kèm của Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT.

2.2.1. Khu Công nghiệp Hòa Khánh

Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định:

- Công tác lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Khu công nghiệp Hòa Khánh đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 211/QĐ-BKHCMNT ngày 22/02/1999 về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động Môi trường dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hoà Khánh;

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT: Theo Thanh tra Bộ Tài nguyên Môi trường dự án KCN Hòa Khánh không thuộc diện thực hiện xác nhận hoàn thành công trình BVMT do ĐTM phê duyệt trước 30/6/2006 và sẽ lập Đề án bảo vệ Môi trường chi tiết trong thời gian tới;

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ: Hằng năm, Daizico thực hiện giám sát (03 lần/ năm); Tần suất, nội dung và thông số giám sát theo ĐTM được duyệt theo kinh phí được cấp và theo dự toán kinh phí được Sở Tài nguyên và môi trường hoặc các ngành thẩm định, phê duyệt;

- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường: Urenco là đơn vị vận hành Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp, trực tiếp ký kết hợp đồng xử lý nước thải các Doanh nghiệp trong KCN Hòa Khánh theo đơn giá do thành phố phê duyệt (đã bao gồm phí BVMT), thực hiện kê khai và nộp phí bảo

vệ môi trường.

Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: chưa có yêu cầu và hướng dẫn thực hiện

- Công tác cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản: Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp, không có khai thác khoáng sản.

2.2.2. Khu Công nghiệp Hòa Khánh mở rộng

Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định:

- Dự án đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt báo cáo tác động môi trường tại quyết định số 3721/QĐ-BTNMT ngày 09/05/2008;

- Hàng năm công ty thực hiện việc giám sát môi trường định kỳ với tần suất 2 lần/ năm. Giám sát tất cả các thông số môi trường theo chương trình giám sát định kỳ đã được phê duyệt tại báo cáo ĐTM;

- Kê khai và nộp phí BVMT đối với nước thải: Hiện tại nước thải các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Hòa Khánh mở rộng đưa về trạm xử lý nước thải KCN Hòa Khánh. Vì vậy, công ty TNHH URENCO chịu trách nhiệm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các doanh nghiệp và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

2.2.3. Khu Công nghiệp Liên Chiểu

Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định;

- Dự án KCN Liên Chiểu đã được Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo tác động môi trường tại quyết định số 541/QĐ-BYNMT ngày 25/4/2003.

- KCN Liên Chiểu đã được Tổng cục môi trường cấp giấy xác nhận số 107/GXN-TCMT ngày 18/12/2014 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án “Xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Liên Chiểu, Đà Nẵng”.

- KCN Liên Chiểu đã được UBND thành phố cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại quyết định số 5228/GP-UBND ngày 21 tháng 7

năm 2015.

- Hằng năm, Công ty SDN thực hiện việc giám sát môi trường định kỳ với tần suất 2 lần/ năm. Giám sát tất cả các thông số môi trường theo chương trình giám sát định kỳ đã được phê duyệt tại báo cáo ĐTM.

- Kê khai và nộp phí BVMT đối với nước thải: Công ty đã thực hiện nộp phí BVMT đến hết quý 4/2015 và đã thực hiện việc kê khai phí BVMT đối với nước thải đến hết quý 1.2/2016, hiện đang chờ kết quả thẩm định phí của Chi cục BVMT Đà Nẵng. Tổng phí đã nộp: 234.794.018 đồng.

2.2.4. Khu Công nghiệp Đà Nẵng

Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định:

- Công tác lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường: KCN Đà Nẵng đã thực hiện Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại quyết định số 92/QĐ- STNMT ngày 28/01/2006;

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị của thành phố theo giấy phép đầu nối số 3588/SXD-QLHT của Sở Xây dựng ngày 15/06/2015;

- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường: Công ty Massda Lands là đơn vị vận hành trạm xử lý nước thải KCN, trực tiếp kí kết hợp đồng xử lý nước thải với các doanh nghiệp theo đơn giá do thành phố phê duyệt, thực hiện kê khai và nộp phí BVMT.

2.2.5. Khu Công nghiệp Hòa Cầm

Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định:

- Công tác lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo định giá tác động môi trường: KCN Hòa Cầm đã thực hiện Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tại quyết định số 984/QĐ- BTNMT ngày 25/05/2011;

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT: Công ty được Tổng cục

Môi trường cấp Giấy xác nhận số 82/GXN-TCMT ngày 08/09/2016 đối với một số hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hoà Cầm (giai đoạn 1), phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng”;

- Công ty đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp phép xả thải vào nguồn nước số 1453/GP-UBND ngày 16/3/2016.

- Hằng năm Công ty thực hiện Giám sát môi trường định kỳ KCN 02 lần/năm. Các thông số giám sát tuân thủ theo chương trình Giám sát môi trường đã được phê duyệt tại ĐTM;

2.2.6. Khu Công nghiệp Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng

Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định:

- Công tác lập và thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Đã thực hiện và phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-STNMT ngày 28/3/2006;

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT: Theo Thanh tra Bộ Tài nguyên Môi trường dự án KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng không thuộc diện thực hiện xác nhận hoàn thành công trình BVMT do ĐTM phê duyệt trước 30/6/2006 và sẽ lập Đề án bảo vệ Môi trường chi tiết trong thời gian tới;

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ: Hằng năm, Daizico thực hiện giám sát (02 lần/ năm); Tần suất, nội dung và thông số giám sát theo ĐTM được duyệt theo kinh phí được cấp và theo dự toán kinh phí được Sở Tài nguyên và môi trường hoặc các ngành thẩm định, phê duyệt.

- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường: Công ty Thoát nước và xử lý nước thải Đà Nẵng là đơn vị vận hành Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp, trực tiếp ký kết hợp đồng xử lý nước thải các Doanh nghiệp trong KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng theo đơn giá do thành phố phê duyệt (đã bao gồm phí BVMT), thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường.

- Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: chưa có yêu cầu và hướng dẫn thực hiện

- Công tác cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác

khoáng sản: Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp, không cở khai thác khoáng sản.

2.3. Hoạt động bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước tại các khu công nghiệp

2.3.1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Triển khai Kế hoạch số 1101/KH-UBND ngày 16/02/2016 của UBND thành phố về việc tổ chức, triển khai “Năm văn hóa, văn minh đô thị 2016”; Ban Quản lý đã ban hành Kế hoạch số 363/KH-BQL ngày 28/3/2016 của Ban Quản lý về việc thực hiện “Năm văn hóa, văn minh đô thị 2016” - Lĩnh vực môi trường tại các Khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Theo đó, thực hiện những nội dung sau:

2.3.2. Tình hình xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp bảo vệ môi trường

- Trong năm 2016, Ban Quản lý đã xây dựng dự thảo bộ Quy chế phối hợp quản lý môi trường trong KCN, KCNC gửi UBND thành phố, các Sở, Ban, Ngành có liên quan đề lấy ý kiến góp ý. Ngày 18/11/2016, Ban Quản lý đã có công văn số 1780/BQL-QLTNMT trình UBND thành phố phê duyệt Bộ quy chế phối hợp quản lý môi trường trong KCN, KCNC;

2.3.3. Tình hình tuân thủ, thực hiện các quy định pháp luật bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp

Trong quá trình hoạt động, Ban Quản lý luôn tuân thủ nguyên tắc chi xem xét tiếp nhận các dự án đầu tư thuộc ngành nghề đã được mô tả trong báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, không xem xét tiếp nhận đối với các dự án đầu tư vào KCN có công nghệ sản xuất lạc hậu, phát sinh nhiều chất ô nhiễm.

Hầu hết các doanh nghiệp trong KCN thực hiện tốt các giải pháp để giảm thiểu tác động đến môi trường và các nội dung theo các quy định của Luật bảo vệ môi trường, các thông tư, nghị định hướng dẫn về bảo vệ môi trường trong KCN. Hầu hết các doanh nghiệp trong KCN chấp hành đúng chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường của các Sở ban ngành có liên quan và thực hiện theo các yêu cầu chỉ đạo của các cấp thanh tra về việc bảo vệ môi trường trong KCN.

2.3.4. Hiện trạng hoạt động của các công trình xử lý chất thải và các biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.3.4.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, độ rung

Trong năm vừa qua, Ban Quản lý thường xuyên đôn đốc các Công ty hạ tầng KCN phối hợp với doanh nghiệp có các biện pháp xử lý khí thải, tiếng ồn đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào môi trường. Trong quy hoạch, chủ động bố trí các nhà máy một cách hợp lý nhằm tránh sự ảnh hưởng qua lại của các nhà máy với nhau. Tiến hành trồng cây xanh trên tất cả các tuyến đường của khu công nghiệp, vận động các nhà máy trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo diện tích cây xanh trong KCN đạt 15% tổng diện tích. Để giảm thiểu bụi, Ban Quản lý đã chỉ đạo các Công ty hạ tầng tiến hành dọn vệ sinh quét các tuyến đường thường xuyên để hạn chế bụi.

2.3.4.2. Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn có cuốn theo dầu mỡ và chất rắn lơ lửng. Vì vậy, để hạn chế tác động đến môi trường, các KCN đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải. Ban Quản lý thường xuyên rà soát, yêu cầu các Công ty hạ tầng KCN tổ chức ra quân nạo vét, khơi thông cống rãnh, mương thoát nước.

b) Tình hình xây dựng, hoạt động của Trạm xử lý nước thải

- Hiện nay, có 05 KCN đã xây dựng Trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung, bao gồm: KCN Hòa Khánh, KCN Hòa Cầm, KCN Đà Nẵng, KCN Liên Chiểu và KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng. Riêng KCN Hòa Khánh mở rộng, nước thải từ các Dự án đang hoạt động được đấu nối về Trạm XLNT tập trung của KCN Hòa Khánh. Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng đang triển khai xây dựng Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Khánh mở rộng, dự kiến đi vào hoạt động trong Quý I năm 2017.

2.3.4.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

Lượng rác thải sinh hoạt tại từng Doanh nghiệp tại KCN đều được thu gom gọn gàng hàng ngày, chứa trong các thùng đựng rác, hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng thu gom xử lý, tỷ lệ thu

gom đạt 100%.

Đối với phế thải thủy sản có thể tận dụng như đầu cá, xương cá, ... các nhà máy hợp đồng với các nhà thu mua thu gom ngay trong ngày. Để tránh gây mùi hôi trong thời gian lưu trữ tạm thời chờ đơn vị thu mua đến vận chuyển, các nhà máy phải có biện pháp bảo quản phế thải tránh gây mùi hôi.

2.3.4.4. Xây dựng thí điểm mô hình KCN sinh thái tại KCN Hòa Khánh

- Trong năm 2016, - Ban Quản lý tiếp tục phối hợp với Vụ Quản lý các Khu Kinh tế triển khai có hiệu quả Dự án “Triển khai sáng kiến KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững tại Việt Nam” đến các doanh nghiệp trong KCN Hòa Khánh, bước đầu lựa chọn ra các doanh nghiệp tiềm năng cho việc xây dựng mô hình KCN sinh thái.

2.3.5. Tình hình thực hiện các quy định về quan trắc, thông tin và báo cáo kết quả quan trắc môi trường

Trong năm qua, các Công ty hạ tầng tại KCN thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường theo báo cáo ĐTM quy định: 2 lần/năm đối với toàn KCN và 4 năm/lần đối với nước thải. Kết hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt cũng như giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp trong KCN.

2.4. Nguyên nhân của những hạn chế của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp nhìn chung đã được quan tâm của các cấp quản lý, các doanh nghiệp và cộng đồng. Pháp luật về bảo vệ môi trường đã và đang từng bước được bổ sung và hoàn thiện. Hệ thống quản lý môi trường ở Trung ương và địa phương ngày một được kiện toàn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp đi vào nề nếp. Trên cơ sở các Luật, Nghị định, Thông tư ban hành về bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành các quy định về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp lồng ghép với các chính sách, kế hoạch chung về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua phân tích, đánh giá về thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, qua báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ 06 tháng đầu năm 2018 cho thấy, chất lượng hiện trạng môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Chất lượng nước thải, nước ngầm và môi trường không khí đảm bảo theo quy định.

Thứ hai, một số nội dung nghiên cứu về thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng có viện dẫn các vụ việc thực tế để chứng minh cho các lập luận và qua đó phân tích những nguyên nhân của những hạn chế của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Thứ ba, khung pháp lý có liên quan về pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp đã chứa đựng khá đầy đủ các quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm để điều chỉnh những quan hệ phức tạp phát sinh trong hoạt động bảo vệ môi trường. Tuy nhiên thực tế cho thấy, việc thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn những hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường chưa được triệt để và khi vụ việc đã rồi thì cơ quan nhà nước mới áp dụng những hình thức xử lý, mức độ xử lý hành vi này dường như vẫn mang tính hình thức, hiện tượng “phạt để tồn tại” còn phổ biến.

Thứ tư, cơ sở pháp lý cho việc đảm bảo hoạt động bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, nhận thức về vấn đề này của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp có tâm lý thờ ơ với các vấn đề của môi trường, cũng là thờ ơ với quyền lợi của chính mình.

Thứ năm, luận văn đã phân tích một cách khá đầy đủ những hạn chế, vướng mắc đó và trong chừng mực nào đó đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến các hạn chế, vướng mắc này như: giai đoạn thi công, các nhà máy

không tổ chức giám sát thi công chặt chẽ nên hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom nước mưa bố trí tùy tiện dẫn đến không thu gom được; việc đăng ký đảm bảo môi trường của các doanh nghiệp được thực hiện cho đủ thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư chứ chưa thực hiện đúng theo cam kết; Ban quản lý khu công nghiệp không thuộc hệ thống cơ quan quản lý nhà nước nên không có chức năng thanh tra chuyên ngành theo luật thanh tra, không có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; việc đầu tư cho công tác môi trường làm tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận đạt được. Vì vậy, một số doanh nghiệp trong khu công nghiệp, việc bảo vệ môi trường chưa được doanh nghiệp tự giác thực hiện.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải theo hướng phát triển bền vững

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X dự báo tình hình những năm sắp đến: Trên thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển nhưng tiềm ẩn những nhân tố bất trắc, khôn lường. Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra những cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng những yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các Quốc gia, nhất là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Canh tranh kinh tế, thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn và công nghệ...giữa các nước ngày càng gay gắt, quyết liệt. Trong những năm tới nước ta có cơ hội lớn để tiến lên mặc dù khó khăn vẫn còn nhiều. Nhiệm vụ đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn. Mục tiêu tổng quát là: “*Nâng cao năng*

lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...”

Trên cơ sở các nguyên tắc và chính sách bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội, từ những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ môi trường, việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp thành phố Đà Nẵng cần quán triệt và thực hiện phương hướng được thể hiện rõ nét trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2015-2020, như sau:

- *Một là*, phát triển công nghiệp nhanh và bền vững nâng cao sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- *Hai là*, coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, từng bước hiện đại hóa các cơ sở sản xuất.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật môi trường

Pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp là một bộ phận không thể thiếu của pháp luật môi trường. Vì thế, pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp luôn phải đảm bảo sự thống nhất với các bộ phận pháp luật khác của pháp luật môi trường. Kinh nghiệm xây dựng và thực hiện pháp luật tại các quốc gia trên thế giới đã cho thấy, tính khả thi của một quy phạm pháp luật không chỉ phụ thuộc vào nội dung của quy định đó có phù hợp với thực tiễn hay không, mà còn phụ thuộc vào sự tương hỗ giữa các quy định có liên quan và khả năng thực thi của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Nếu không đảm bảo sự phù hợp với các quy định có liên quan, việc thực thi một cách thống nhất và thuận lợi quy phạm pháp luật đó trên thực tế sẽ khó có thể được đảm bảo

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải đặt trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế

Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã chỉ rõ: “Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố đảm bảo sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp

phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta”. Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 còn nêu rõ: “Bảo vệ môi trường mang tính quốc gia, khu vực và toàn cầu cho nên phải kết hợp giữa phát huy nội lực và tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững”.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hướng tới công nghiệp hoá - hiện đại hoá vào năm 2020. Trong bối cảnh hiện nay Việt Nam đã hội nhập ASEAN, hình thành Cộng đồng chung ASEAN, với ba trụ cột kinh tế, chính trị và an ninh. Với ý nghĩa đó việc hoàn thiện pháp luật về môi trường ở Việt Nam sẽ phải phù hợp với các điều ước quốc tế và khu vực về vấn đề này, đặc biệt hơn là Việt Nam càng ngày càng phải thực thi nghiêm túc những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, kể cả trường hợp Việt Nam chưa nội luật hóa các điều ước quốc tế đó.

3.1.4. Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải phù hợp với định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng về bảo vệ môi trường

Quyết định 1107/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Theo đó, “mục tiêu phát triển các khu công nghiệp tại Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 là hình thành hệ thống các khu công nghiệp chủ đạo có vai trò dẫn dắt sự phát triển công nghiệp quốc gia, đồng thời hình thành các khu công nghiệp có quy mô hợp lý để tạo điều kiện phát triển công nghiệp, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại những địa phương có tỷ trọng công nghiệp trong GDP thấp”.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 có hiệu lực từ ngày 1/1/2015; Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 35/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Tuy chưa có đủ cơ sở để tổng kết một cách đầy đủ các vướng mắc đã và đang nảy sinh trong quá trình thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành (vì thời gian mà các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành đi

vào thực tế chưa nhiều). Song sau khi nghiên cứu các vướng mắc đã được trình bày ở chương 2 và dựa trên những định hướng cơ bản trên, đề tài đưa ra một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần phân cấp toàn diện về công tác quản lý môi trường tại các khu công nghiệp cho Ban quản lý các khu công nghiệp theo quy định tại nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 29/2008/NĐCP ngày 14/3/2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. Bởi những lý do sau:

- Khu công nghiệp là pháp nhân có tổ chức đặc thù, mọi công việc xảy ra trong khu công nghiệp trước tiên đều do các đơn vị chức năng của khu công nghiệp giải quyết. Vì vậy, việc giải quyết các vấn đề môi trường của khu công nghiệp do Sở Tài nguyên Môi trường thực hiện sẽ không kịp thời. Nếu các doanh nghiệp trong khu công nghiệp vi phạm pháp luật về môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật chứ không có thẩm quyền xử lý các biện pháp khác như: cắt điện, cắt nước... vì thế hiệu lực của quyết định xử lý khó được thực hiện nghiêm.

- Ban quản lý khu công nghiệp là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp về khu công nghiệp, chịu trách nhiệm mọi mặt công tác trong khu công nghiệp, vì vậy, nếu không được ủy quyền quản lý môi trường khu công nghiệp chắc chắn sẽ khó phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường trong việc giải quyết các vấn đề môi trường trong khu công nghiệp.

Thứ hai, bổ sung thanh tra Ban quản lý các khu công nghiệp vào hệ thống thanh tra nhà nước để tạo điều kiện cho các Ban quản lý khu công nghiệp thực hiện tốt chức năng giám sát, thi hành pháp luật về môi trường trong khu công nghiệp.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả về thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, hệ thống chính sách, pháp luật có bước phát triển vượt bậc, trong đó phải kể đến các văn bản sau: Hiến pháp 2012 với những quy định quan trọng về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt quy định về quyền con người, Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban chấp hành trung ương Đảng "Về

chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường", Luật bảo vệ môi trường 2014.

Thứ hai, Ban quản lý khu công nghiệp mặc dù là cơ quan đầu mối trực tiếp quản lý môi trường bên trong khu công nghiệp nhưng do lại phải quản lý nhiều khu công nghiệp trên địa bàn thành phố và không thường xuyên có mặt tại khu công nghiệp. Vì vậy, để hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp có hiệu quả cần phải phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân quận, huyện và cộng đồng dân cư xung quanh khu công nghiệp.

Thứ ba, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cần phải tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và xử lý các doanh nghiệp không thực hiện theo đúng các cam kết về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thứ tư, thực hiện công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường, có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ đầu tư vào hoạt động bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụ thể: ưu tiên tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; hình thành mục chi đầu tư phát triển riêng cho bảo vệ môi trường; xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về các chính sách ưu đãi về đất đai, về vốn, về thuế, về tín dụng nhằm đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường.

Thứ năm, bảo vệ môi trường cần lan tỏa tới các cấp, các ngành, tới từng tổ chức, cá nhân trong xã hội. Điều này sẽ tạo động lực to lớn cho nỗ lực bảo vệ môi trường, đồng thời cũng là sức ép mạnh mẽ để hạn chế các hành vi tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường trong toàn ngành cũng như tới từng tổ chức, cá nhân trong xã hội. Do vậy, cần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp về công tác bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, thực hiện đề án tăng cường năng lực về công tác Đánh giá tác động môi trường theo tinh thần Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, trong đó phải chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định

báo cáo Đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường của các dự án đầu tư.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn đưa ra một số định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay, theo đó định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp cần phải theo hướng phát triển bền vững; hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật môi trường; hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp phải đặt trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế; và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải phù hợp với định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng về bảo vệ môi trường.

Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp đều được xây dựng và bám sát vào những định hướng đã được đề ra.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở xác định tính cấp thiết của đề tài “*Pháp luật bảo vệ môi trường, qua thực tiễn các khu công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng*” luận văn đã đi vào làm rõ các vấn đề: Cơ sở lý luận của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, nêu và phân tích khái niệm về môi trường; khái niệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, đồng thời nêu lên những vấn đề có tính cấp bách của môi trường. Những vấn đề đó đang xảy ra, nhất là ở các khu công nghiệp, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cùng cả nước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1. Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế đất nước, các khu công nghiệp có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các khu công nghiệp này đã có những đóng góp vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực của các khu công nghiệp đối với nền kinh tế thì quá trình này đặt ra một thách thức đó là nạn ô nhiễm môi trường do quá trình sản xuất công nghiệp gây ra.

2. Mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp chỉ đạt được nếu tiến hành đồng bộ không chỉ trong lĩnh vực sửa đổi, ban hành pháp luật mà còn trong việc tăng cường thực thi pháp luật, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chuyên gia có liên quan đến lĩnh vực này.

3. Khung pháp lý có liên quan về pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp đã chứa đựng khá đầy đủ các quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm để điều chỉnh những quan hệ phức tạp phát sinh trong hoạt động bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc đưa các quy định chặt chẽ và đầy đủ thôi thì bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khó có thể được đảm bảo. Vì vậy, cần phải nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong hoạt động các khu công nghiệp bằng việc thực hiện các giải pháp đồng bộ như đã nêu ở trên.